|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**  Số: 524 /QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 3 năm 2023* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 14 tháng 2 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và thay thế trong lĩnh vực quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, lĩnh vực Thú y và lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 383/TTr-SNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 06 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Cụ thể:

- Phụ lục I gồm 01 quy trình quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phụ lục II gồm 02 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phụ lục III gồm 03 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm thiết lập quy trình điện tử quy định tại Phụ lục I, II, III của Điều 1 Quyết định này thuộc thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính phần việc của đơn vị mình trên phần mềm Hệ thống xử lý một cửa tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế*.*

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4**. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 4;  - Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);  - CT và các PCT UBND tỉnh;  - Các PCVP UBND tỉnh; CV: NN;  - Cổng TTĐT,TT PVHCC;  - Lưu: VT, KSTT. | **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Hoàng Hải Minh** |

**Phụ lục I**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA TRONG LĨNH VỰC**

**LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Kèm theo Quyết định số 524 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Phần I. DANH MỤC QUY TRÌNH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên TTHC** | **Mã số TTHC** | **Quyết định công bố danh mục TTHC** |
| 1 | Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | [1.011470](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=315884) | Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và thay thế trong lĩnh vực quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, lĩnh vực Thú y và lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |

**Phần II. NỘI DUNG QUY TRÌNH**

**1. Tên thủ tục: Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm PV hành chính công.  Bộ phận HC-TH của Trung tâm PV Hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức;  - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy *(trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến)* cho Chi cục Kiểm lâm xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Chi cục Kiểm lâm | Phân công Chuyên viên phụ trách kiểm tra, thụ lý hồ sơ | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chi cục Kiểm lâm | - Kiểm tra thực địa, đối chiếu, xác minh sự phù hợp giữa hồ sơ và thực tế; định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong xây dựng dự toán khai thác.  - Ban hành Tờ trình, dự thảo Quyết định gửi Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, quyết định. | 68 giờ làm việc |
| Bước 4 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Ban hành Quyết định phê duyệt. | 02 giờ làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận văn thư của Sở Nông nghiệp và PTNT | Vào số văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ *(gồm bản điện tử và bản giấy)* cho Trung tâm PV hành chính công tỉnh. | 02 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và PTNT | Xác nhận trên phần mềm một cửa;  Trả Quyết định phê duyệt hỗ trợ cho cá nhân/tổ chức. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | | | **80 giờ làm việc** |

**Phụ lục II**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG**

**THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*(Kèm theo Quyết định số 524 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Phần I. DANH MỤC QUY TRÌNH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên TTHC** | **Mã số TTHC** | **Quyết định công bố danh mục TTHC** |
| 1 | Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế | 1.007917 | Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và thay thế trong lĩnh vực quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, lĩnh vực Thú y và lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 2 | Phê duyệt dự toán, thiết kế Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế | 1.007916 |

**Phần II. NỘI DUNG QUY TRÌNH**

**1. Tên thủ tục: Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế**

**a) Trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa**

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó, 25 ngày làm việc tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 05 ngày làm việc tại Văn phòng UBND tỉnh.

- Quy trình nội bộ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm PV hành chính công.  Bộ phận HC-TH của Trung tâm PV Hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức;  - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy *(trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến)* cho Chi cục Kiểm lâm xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Chi cục Kiểm lâm | Phân công Chuyên viên phụ trách kiểm tra, thụ lý hồ sơ; | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chi cục Kiểm lâm | Tham mưu Sở: Văn bản trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; thành lập Hội đồng thẩm định (thành phần theo quy định), tổ chức họp thẩm định, thống nhất biên bản họp thẩm định;dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt phương án trồng rừng thaythếkèm theo dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế. | 184 giờ làm việc |
| Bước 4 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Ban hành Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt phương án trồng rừng thay thế; kèm theo dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế của UBND tỉnh. | 02 giờ làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận văn thư của Sở Nông nghiệp và PTNT | Vào số văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ (gồm bản điện tử và bản giấy) cho Chi cục Kiểm lâm trình hồ sơ liên thông lên UBND tỉnh | 02 giờ làm việc |
| Bước 6 | Chi cục Kiểm lâm | Liên thông hồ sơ lên UBND tỉnh | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của VP UBND tỉnh tại Trung tâm PV Hành chính công tỉnh | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Bộ phận TN&TKQ của Sở và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ lý. | 04 giờ làm việc |
| Bước 8 | Chuyên viên VP UBND tỉnh | Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt. | 24 giờ làm việc |
| Bước 9 | Lãnh đạo VP UBND tỉnh | Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 10 | Lãnh đạo UBND tỉnh | Phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 11 | Bộ phận văn thư VP UBND tỉnh | Vào số văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả *(gồm bản điện tử và bản giấy)*cho Trung tâm PV hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 12 | Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và PTNT | Xác nhận trên phần mềm một cửa;  Trả Quyết định phê duyệt hỗ trợ cho cá nhân/tổ chức. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | | | **240 giờ làm việc** |

**b) Trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa**

- Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó, 35 ngày làm việc tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 05 ngày làm việc tại Văn phòng UBND tỉnh.

- Quy trình nội bộ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm PV hành chính công.  - Bộ phận HC-TH của Trung tâm PV Hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức;  - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy *(trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến)* cho Chi cục Kiểm lâm xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Chi cục Kiểm lâm | Phân công Chuyên viên phụ trách kiểm tra, thụ lý hồ sơ; | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chi cục Kiểm lâm | Tham mưu Sở:Văn bản trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; thành lập Hội đồng thẩm định (thành phần theo quy định), tổ chức kiểm tra, đánh giáPhương án trồng rừng tại thực địa, tổ chức họp thẩm định, thống nhất biên bản họp thẩm định; dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt phương án trồng rừng thaythếkèm theo dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế. | 304 giờ làm việc |
| Bước 4 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Ban hành Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt phương án trồng rừng thay thế; kèm theo dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế của UBND tỉnh. | 02 giờ làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận văn thư của Sở Nông nghiệp và PTNT | Vào số văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ (gồm bản điện tử và bản giấy) cho Chi cục Kiểm lâm trình hồ sơ liên thông lên UBND tỉnh | 02 giờ làm việc |
| Bước 6 | Chi cục Kiểm lâm | Liên thông hồ sơ lên UBND tỉnh | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của VP UBND tỉnh tại Trung tâm PV Hành chính công tỉnh | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Bộ phận TN&TKQ của Sở và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ lý. | 04 giờ làm việc |
| Bước 8 | Chuyên viên VP UBND tỉnh | Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt. | 24 giờ làm việc |
| Bước 9 | Lãnh đạo VP UBND tỉnh | Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 10 | Lãnh đạo UBND tỉnh | Phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 11 | Bộ phận văn thư VP UBND tỉnh | Vào số văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả *(gồm bản điện tử và bản giấy)* cho Trung tâm PV hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 12 | Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và PTNT | Xác nhận trên phần mềm một cửa;  Trả Quyết định phê duyệt hỗ trợ cho cá nhân/tổ chức. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | | | **360 giờ làm việc** |

**2. Tên thủ tục: Phê duyệt dự toán, thiết kế Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế**

**a) Trường hợp UBND tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn**

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó, 25 ngày làm việc tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 05 ngày làm việc tại Văn phòng UBND tỉnh.

- Quy trình nội bộ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm PV hành chính công.  - Bộ phận HC-TH của Trung tâm PV Hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức;  - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy *(trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến)* cho Chi cục Kiểm lâm xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Chi cục Kiểm lâm | Phân công Chuyên viên phụ trách kiểm tra, thụ lý hồ sơ | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chi cục Kiểm lâm | Tham mưu Sở: Văn bản trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; dự thảo văn bản của UBND tỉnh giao Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý rừng đặc dụng, đơn vị vũ trang (trồng trên đất của các đơn vị này); Chi cục Kiểm lâm hoặc Ban quản lý dự án phát triển rừng cấp huyện (trồng trên đất được giao cho UBND cấp xã, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư) làm chủ đầu tư | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Ký ban hành dự thảo Văn bản của UBND tỉnh giao các đơn vị làm chủ đầu tư trồng rừng thay thế | 02 giờ làm việc |
| Bước 5 | CV, lãnh đạo VP UBND tỉnh | Xem xét, trình Lãnh đạo UBND tỉnh | 08 giờ làm việc |
| Bước 6 | Lãnh đạo UBND tỉnh | Ký ban hành văn bản giao nhiệm vụ cho đơn vị làm chủ đầu tư trồng rừng thay thế | 02 giờ làm việc |
| Bước 7 | Chủ đầu tư trồng rừng thay thế | Lậpdự toán, thiết kế gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Ủyban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt | 112 giờ làm việc |
| Bước 8 | Chi cục Kiểm lâm | Tham mưu Sở thẩm định, dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt dự toán, thiết kế, văn bản thông báo cho cho chủ dự án về thời gian, số tiền phảinộp để thực hiện trồng rừng thay thế | 40 giờ làm việc |
| Bước 9 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Ban hành Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt dự toán, thiết kế và văn bản thông báo cho cho chủ dự án. | 04 giờ làm việc |
| Bước 10 | Bộ phận văn thư của Sở Nông nghiệp và PTNT | Vào số văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ (gồm bản điện tử và bản giấy) cho Chi cục Kiểm lâm trình hồ sơ liên thông lên UBND tỉnh | 02 giờ làm việc |
| Bước 11 | Chi cục Kiểm lâm | Liên thông hồ sơ lên UBND tỉnh | 02 giờ làm việc |
| Bước 12 | Bộ phận TN&TKQ của VP UBND tỉnh tại Trung tâm PV Hành chính công tỉnh | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả Bộ phận TN&TKQ của Sở và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ lý. | 04 giờ làm việc |
| Bước 13 | Chuyên viên VP UBND tỉnh | Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt. | 24 giờ làm việc |
| Bước 14 | Lãnh đạo VP UBND tỉnh | Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 15 | Lãnh đạo UBND tỉnh | Phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 16 | Bộ phận văn thư VP UBND tỉnh | Vào số văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả *(gồm bản điện tử và bản giấy)*cho Trung tâm PV hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 17 | Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và PTNT | Xác nhận trên phần mềm một cửa;  Trả Quyết định phê duyệt hỗ trợ cho cá nhân/tổ chức. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | | | **240 giờ làm việc** |

**b) Trường hợp UBND tỉnh không bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn**

- Thời hạn giải quyết: 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm PV hành chính công.  - Bộ phận HC-TH của Trung tâm PV Hành chính công tỉnh. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức;  - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy *(trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến)* cho Chi cục Kiểm lâm xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Chi cục Kiểm lâm | Phân công Chuyên viên phụ trách kiểm tra, thụ lý hồ sơ | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chi cục Kiểm lâm | Tham mưu Sở: Văn bản trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; dự thảo văn bản của Sở gửi UBND tỉnh, văn bản của UBND tỉnh đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận việc nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Ký ban hành văn bản gửi UBND tỉnh và ký nháy dự thảo văn bản của UBND tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 02 giờ làm việc |
| Bước 5 | CV, Lãnh đạo VP UBND tỉnh | Xem xét, trình Lãnh đạo UBND tỉnh | 08 giờ làm việc |
| Bước 6 | Lãnh đạo UBND tỉnh | Ký ban hành văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 02 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Ban hành văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế xây dựng, phê duyệt dự toán, thiết kế trồng rừng theo quy định | 40 giờ làm việc |
| UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế | Phê duyệt dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 240 giờ làm việc |
| Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Thông báo hoặc giao cơ quan chuyên môn thông báo bằng văn bản cho UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế |
| Bước 8 | UBND tỉnh | UBND tỉnh ban hành văn bản gửi chủ dự án về việc thực hiện Thông báo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. |  |
| Bước 9 | Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và PTNT | Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức thực hiện theo quy định. |  |
| Bước 10 | Chủ dự án | Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh | Theo quy định |
| Bước 11 | Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh | Chuyển số tiền chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để thực hiện trồng rừng tại địa phương khác | Theo quy định |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | | | **320 giờ làm việc** |

**Phụ lục III**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

*(Kèm theo Quyết định số 524 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Phần I. DANH MỤC QUY TRÌNH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên TTHC** | **Mã số TTHC** | **Quyết định công bố danh mục TTHC** |
| 1 | Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện | [1.011471](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=315885) | Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và thay thế trong lĩnh vực quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, lĩnh vực Thú y và lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 2 | Xác nhận bảng kê lâm sản | 1.000045 |
| 3 | Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên | 1.000047 |

**Phần II. NỘI DUNG QUY TRÌNH**

**1. Tên thủ tục: Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện  - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Hành chính công cấp huyện | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức;  - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy *(trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến)* cho Hạt Kiểm lâm cấp huyện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện | Phân công Chuyên viên phụ trách kiểm tra, thụ lý hồ sơ | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Hạt Kiểm lâm cấp huyện | - Kiểm tra, đối chiếu, xác minh sự phù hợp giữa hồ sơ và thực tế; định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong xây dựng dự toán khai thác.  - Tham mưu Tờ trình gửi lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện xem xét, quyết định. | 48 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện | Ban hành Tờ trình và Dự thảo Quyết định hỗ trợ gửi UBND cấp huyện phê duyệt | 02 giờ làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận văn thư của Hạt Kiểm lâm cấp huyện | Vào số văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ (gồm bản điện tử và bản giấy) cho Chuyên viên Hạt Kiểm lâm cấp huyện trình hồ sơ liên thông lên UBND cấp huyện | 02 giờ làm việc |
| Bước 6 | Chuyên viên Hạt Kiểm lâm cấp huyện | Liên thông hồ sơ lên UBND cấp huyện | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | UBND cấp huyện | Tiếp nhận hồ sơ, xem xét, xử lý hồ sơ, phê duyệt Quyết định; chuyển kết quả cho Bộ phận TN&TKQ cấp huyện | 16 giờ làm việc |
| Bước 8 | Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm HCC huyện | Xác nhận trên phần mềm một cửa;  Trả Quyết định phê duyệt hỗ trợ cho cá nhân/tổ chức. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | | | **80**  **giờ làm việc** |

**2. Tên thủ tục: Xác nhận bảng kê lâm sản**

- Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

+ Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

+ Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp: Không quá 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**2.1 Trường hợp không phải xác minh:** 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình nội bộ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện  - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Hành chính công cấp huyện | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức;  - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy *(trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến)* cho Hạt Kiểm lâm cấp huyện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện | Phân công Chuyên viên phụ trách kiểm tra, thụ lý hồ sơ | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Hạt Kiểm lâm cấp huyện | - Kiểm tra hồ sơ, xác minh sự phù hợp giữa hồ sơ và thực tế. | 04 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện | Xác nhận vào Bảng kê lâm sản của cá nhân/tổ chức; xác nhận lâm sản tồn trong Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với chủ lâm sản là tổ chức, hộ kinh doanh. Trường hợp không xác nhận thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | 02 giờ làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận văn thư của Hạt Kiểm lâm cấp huyện | Chuyển kết quả cho Trung tâm HCC huyện. | 02 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm HCC huyện | Xác nhận trên phần mềm một cửa;  Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. | 02 giờ làm việc |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | | | **16**  **giờ làm việc** |

**2.2 Trường hợp phải xác minh:** 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình nội bộ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện  - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Hành chính công cấp huyện | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức;  - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy *(trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến)* cho Hạt Kiểm lâm cấp huyện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện | Phân công Chuyên viên phụ trách kiểm tra, thụ lý hồ sơ | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Hạt Kiểm lâm cấp huyện | - Thông báo cho chủ lâm sản về việc xác minh.  - Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực địa để đối chiếu, xác minh sự phù hợp giữa hồ sơ và thực tế. Lập Biên bản xác minh. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện | Xác nhận vào Bảng kê lâm sản của cá nhân/tổ chức; xác nhận lâm sản tồn trong Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với chủ lâm sản là tổ chức, hộ kinh doanh. Trường hợp không xác nhận thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | 02 giờ làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận văn thư của Hạt Kiểm lâm cấp huyện | Chuyển kết quả cho Trung tâm HCC huyện. | 02 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm HCC huyện | Xác nhận trên phần mềm một cửa;  Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. | 02 giờ làm việc |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | | | **32**  **giờ làm việc** |

**2.3 Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp:** Không quá 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình nội bộ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện  - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Hành chính công cấp huyện | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức;  - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy *(trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến)* cho Hạt Kiểm lâm cấp huyện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện | Phân công Chuyên viên phụ trách kiểm tra, thụ lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Hạt Kiểm lâm cấp huyện | - Thông báo cho chủ lâm sản về việc xác minh.  - Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực địa để đối chiếu, xác minh sự phù hợp giữa hồ sơ và thực tế. Lập Biên bản xác minh. | 52 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện | Xác nhận vào Bảng kê lâm sản của cá nhân/tổ chức; xác nhận lâm sản tồn trong Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với chủ lâm sản là tổ chức, hộ kinh doanh. Trường hợp không xác nhận thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | 02 giờ làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận văn thư của Hạt Kiểm lâm cấp huyện | Chuyển kết quả cho Trung tâm HCC huyện. | 02 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm HCC huyện | Xác nhận trên phần mềm một cửa;  Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. | 02 giờ làm việc |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | | | **64**  **giờ làm việc** |

**3. Tên thủ tục: Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên**

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình nội bộ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện  - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Hành chính công cấp huyện | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức;  - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy *(trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến)* cho Hạt Kiểm lâm cấp huyện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện | Phân công Chuyên viên phụ trách kiểm tra, thụ lý hồ sơ | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Hạt Kiểm lâm cấp huyện | Kiểm tra hồ sơ, nội dung Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên và kiểm tra thực địa để đối chiếu, xác minh sự phù hợp giữa hồ sơ và thực tế. | 64 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện | Phê duyệt Phương án khai thác; trường hợp không phê duyệt thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận văn thư của Hạt Kiểm lâm cấp huyện | Chuyển kết quả cho Trung tâm HCC huyện. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm HCC cấp huyện | Xác nhận trên phần mềm một cửa;  Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | | | **80**  **giờ làm việc** |